

Panat Nikhom, Thái Lan ngày 10-4-1990.

Kính gửi: Bà cháu Minh Thư.

Hội đồng hội Cựu Tự nhân chính trị Cộng sản V.N.

THÍCH YÊU: Aồn xin gởi thiệp hỏi.

LÝ LỊCH CỰU TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ.

Họ và tên: NGUYỄN THẾ HÙNG, Năm sinh: 1942. Nơi sinh: Xã Mỹ

Hội đồng, Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa. Số quân: 62/525298.

Cấp bậc: Binh II. Đơn vị làm việc: Đại đội 2, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 16/Sư đoàn 9 Bộ Binh.

Thời gian cải tạo: gởi đoàn 1 từ 1h ngày tháng 7/1975.

gởi đoàn 2 từ 1-1-1977 đến 1-1-1978.

Lý do cải tạo: - gởi đoàn 1 là cựu quân nhân.

- gởi đoàn 2 là tình nghi hoạt động chính trị lật đổ chính quyền tại ấp kinh H, xã Vĩnh Châu, Huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa do ông Hải đeo lá cờ đỏ.

gây ra hai tội: Đã bị thất thoát tiền lương vượt biên.

Ngay cấp: không nhớ. Nơi cấp: Ủy ban An ninh tỉnh Bà Rịa.

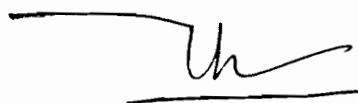
Địa chỉ tại Thái Lan: House 204 - PST. 02695. Trại Panat.

Nikhom Chaiburi P.O.Box 18 - 20140, Thái Lan.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng và thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai lý lịch của bản thân.

Panat Nikhom PC. ngày 10-4-1990.

Người khai.



Nguyễn Thế Hùng.

จดหมายอากาศ
AEROGRAMME



TO. MRS. KHUC MINH THO

PO. BOX. 5435 ARLINGTON

VA. 22205-0635

7031560.0058

USA

ชื่อและที่อยู่ของผู้ส่ง SENDER'S NAME AND ADDRESS

NGUYEN THE HUNG - PST. 02645 House 204

PO. BOX. 18. Panat Nikhom. Chumabong 20.147



IF ANYTHING IS SENT BY AIR MAIL, IT WILL BE SENT BY SURFACE MAIL



TO OPEN SLIT HERE

hiện không có thân nhân nước ngoài.

② NGUYỄN THẾ HÙNG, Sinh năm: 15-6-1942, số quân: 62/525298, cấp bậc binh 2, đơn vị sau cùng: Đại đội 2, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 16, Sư đoàn 9 Thủ quân học lập cái tạo. Đốt đầu 14 ngày trong năm 1975.

Đốt 2. Từ 1-2-1977 đến 1-1-1978 (lý do: Hoạt động phục quốc). Bị ra trại đã bị thất lạc, xin bố' tửu sau.

- Ngày đầu tiên đến đảo: 29-11-1989.

- Ngày tháng năm sinh: 15-6-1942

- Tên họ Cha: NGUYỄN VĂN BÌNH, sinh năm: 1908.

- Tên họ Mẹ: NGUYỄN THỊ HÒI, sinh năm: 1910 (Chết)

- Tên họ của những người cùng đi: HÀ VĂN AN, sinh ngày 15-6-1971 (Cháu ruột)

- Địa chỉ: NGUYỄN THẾ HÙNG, 1ST, 02695, House 2CA, PC. PO. Box 18, Panat Nikhom Chonburi 20140, THAILAND.

Kính thưa Bà và toàn thể, vì tình hình thanh lọc tại trại Panat Nikhom Thái Lan mỗi ngày mỗi gay go và chính bất đồng bào bị nạn mỗi lúc một thay đổi, nên vấn đề bảo lãnh (bảo trợ) phải có tình cách tiết chế, trước chúng mình bằng chứng từ mới có cơ vượt qua, vậy chúng tôi thành thật xin Bà giúp đỡ bằng phương diện tốt và nhanh nhất để chúng tôi được yên tâm. Nhất là nếu có thể, Bà sưu tra và giúp, chúng tôi có giấy xác nhận cứu tử nhân và 1 tờ Sponsor thiết bị để chúng tôi tùy tiện trong các trường hợp bất trắc. Với những yêu cầu trên, thính và như thế này, có gì từ ngoài, hay có thể, xin Bà thông thạo nêu rõ cho chúng tôi. Xin Bà hãy rộng lòng tha thứ cho những âu lo của chúng tôi.

Sau hết, một lần nữa chúng tôi xin gửi đến bà và toàn thể gia đình
lời cảm ơn nhân dịp lễ long thành kính tri ân, rất mong tin.

Hải Yến: 1 y chúng tôi 22.22

ngày 22-10-1978

Kính thư.

1. Võ Ngọc Thanh

2. Nguyễn Thị Hường

Thanh
Hường

H/s Nguyễn Thế Hùng
chung lưng bị
✓

From: VÕ NGỌC THANH .

PST-034022 House 2C7

P.C. P.O. BOX. 18 - PANATNIKHOM CHONBURY
20140 - THAILAND .



Mrs. KHUC MINH THU -

TO - FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

ASSOC. P.O. BOX. 5435

ARLINGTON, VA - 22205 - 0635

USA.

JUN 18 1990



ARLINGTON VA 22205-0635



Panat, ngày 27-08-1990.

Hình thưa chị.

Trước hết, chúng em xin phép được gửi đến chị lòng cảm kính và chân thành tri ân chị cũng thành kính nguyện cầu sức khỏe của chị và gia đình.

Thêm theo đây, qua chỉ dẫn của VP/GH/PGHH/HN (Lê Thái Hòa VP/BTS/PGHH/HN) chúng em gửi đến chị Danh sách lý lịch Cựu tù Nhân/Chính trị, Tôn giáo/PGHH. Hình mong chị cảm thông và giúp đỡ cho bản đồ chúng em - chị cũng đã biết - Giữa chúng em và bóng sần - "Không thể" đời chung trời...."

... Thay lời ách bóng sần đến đây - Không biết bao giờ chúng em mới thoát khỏi cảnh này - -

Trong khi chờ đợi - Hình xin chị nhận nơi đây lòng thành kính và biết ơn của chúng em.

Hình thơ

TM/BDD/HQ/PGHH/Holding.

Địa chỉ: Tô Thái Hòa
VP/BTS/PGHH/HN
585 E. University Blvd
Silver Spring, MD 20901
- USA -

Trần Ngọc Liêng.

จดหมายอากาศ
AEROGRAMME



Am - Bể
Thở đẹp
cung trăng
núi con
trò thi
FEB 22 1990

Nguyễn Thị Minh Phương (KMT)

P.O. Box 5435 ARLINGTON

VA 22205 0635

USA

ชื่อและที่อยู่ของผู้ออก SENDER'S NAME AND ADDRESS

Coran ngọc Tiếng - BT 050549 - House # 2F22 - PC Po Box 18
Phanat Nikhom - Chonburi 20140 - Thailand THAILAND

ถ้าใส่สิ่งใดไว้ในซอง จะส่งจดหมายอากาศนี้ไปทางธรรมดา IF ANYTHING IS ENCLOSED THIS AIR LETTER WILL BE SENT BY SURFACE MAIL.



TO OPEN SLIT HERE

Panat 13.2.90

Minh Phuong,

Nhận được thư của em tôi (Trần Công Quý) hơn một tháng nay. Trong thư có địa chỉ của Minh Phuong - Khố² nôi, em tôi lại không nói rõ quan hệ giữa chúng tôi và Minh Phuong thế nào (?) - Có lẽ do dè và ... mất ngủ nhiều đêm ... Không có lý nào (?) ...

(Nghĩ ngơ, nhưng tôi lại nguyên câu ... đúng thật như vậy ...)

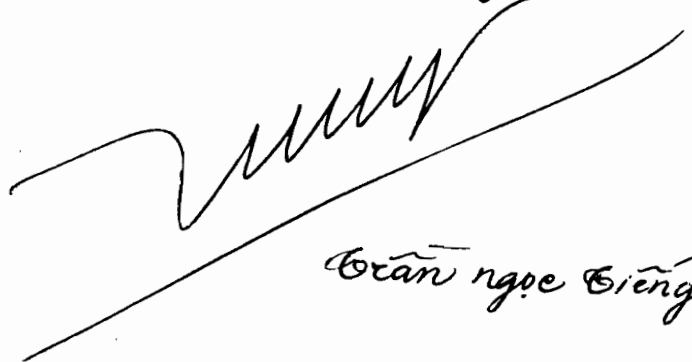
"
" "
Còn bây giờ, đâu thế nào đi nữa, quyết định về liên hệ tình cảm ... Cách xưng hô ... là do ở Minh Phuong. Bởi sự thật rất hiển nhiên trước mắt là Minh Phuong đã ở USA ... phần tôi còn năm trái cam chờ ... "thanh lọc"! - Một người ở chiến đàng và một kẻ còn năm trong ... địa ngục!

" "
" "
Quy vậy, tôi nguyên câu Minh Phuong vui vẻ cho tôi được phép câu chúc Minh Phuong mọi sự như ý và ... từ mai không già!

cũng gởi lời thăm tất cả gia quyến ...

Ngày đêm tôi mong mỗi hơi ấm

xin tạm dừng bút



Trần Ngọc Giảng

Bé
mở
lên
Túi
vì
lưu
lưu
số
lưu
vết
Gửi
báo
Hào
Đi
hết
báo
Hào
18 APR 03 1990



Khue Nunt Cho

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635



5435 30530304 * CR 8009
AUTOMATED MAIL (MUN) * * * *

PD BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



Grain ngoc Gieng
BDD/HQ/PGHH/Holding
BT050549 - House #2F22 - P.O. Box 18
Panat Nikhom - ChonBury 20140
Thailand

HỘI QUÁN/PHẬT GIÁO HÒA HẢO
PANAT/HOLDING CAMP

DANH SÁCH - CỰU TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ

STT HỌ TÊN	HỌ VÀ TÊN	SINH NĂM	NGU TẠI	CƠ QUÂN	CẤP BÁC	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ SAU CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO					NGÀY ĐẾN THAM LÃNH	NGÀY NHẬP TRẠI	HỌ TÊN		
								Thời gian cải tạo	Từ	Đến	Lý do	GIẤY RA TRẠI					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
01.	NGUYỄN THÀNH NHĨA	1942	Tx Tây Ninh - Tây Ninh	62/112651	Thiếu tá	Chỉ huy trưởng	Chỉ huy Đuôi Thành - B.Đ.Đ.	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cải quân nhân	743/GRT	Thành H. 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B	
02.	NGUYỄN HỮU HIẾU	1939	Bình Minh - Củ Long	59/510091	Đại úy	Chỉ huy trưởng	Thiết đoàn 9. K. B. B.	48 tháng	15.04.75	06.80	nt-		M. H. H.	06.05.89	08.09.89	2E	
03.	TRẦN NGỌC TIẾNG	1949	Châu Phú - An Giang	64/510741	Trung úy	Trung đội trưởng	Trại Khu Kiến Thiết	80 tháng 4 ngày	10.05.75	21.01.82	nt-	40/GRT	X. H. H.	21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F
04.	PHAN THANH BĂNG	1951	Phước Tân - An Giang	71/134705	Thiếu úy	Phụ trách khu vực	P.CK Vĩnh Xương - Châu Đốc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	nt-	82/BB/BNN	Q. K. H.	30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F
05.	NGUYỄN THU BA	1939	Châu Thành - An Giang	Điền 121225	Thượng sĩ		B.Đ. Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	nt-	196/QH	Q. K. H.	23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F
06.	VÕ THÁI LỘC	1943	Chợ mới - An Giang	62/171309	Trung úy	Phó ty	Ty Thanh niên - Rạch Giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	nt-	09/BBUB	K. H. H.	12.01.77	03.12.89	01.02.90	2L
07.	NGUYỄN VĂN TRÍ	1954	Sài Gòn	74/143787	Sinh viên Sĩ Quan		Trường Hạ Sĩ Quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	nt-	156/GRT	Th. H. H.	12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L
08.	NGUYỄN THANH HẢI	1950	Cần Thơ - Hậu Giang	70/700226	Thiếu úy	Trưởng phòng giáo dục	Ty 4 An Ninh - Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	nt-	827/XC	C. H. H.	29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C
09.	HỒ QUANG THUẬN	1963	Sóc Trăng - Hậu Giang					14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	H. H. H.	17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D
10.	HUỲNH THỊ NGỌC MAI	1952	Bình Minh - Củ Long					12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi loạn phục quốc	116/LTT	B. H. H.	04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L
11.	LŨ XƯƠNG	1952	Trà Cú - Củ Long	75/703728	Trung Sĩ	Trưởng ban Văn Thư	Giảng đoàn 22 Trung tâm Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	C. H. H.	21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C
12.	ĐÀNG VĂN MINH	1953	Long Xuyên - An Giang			Trưởng ban Giáo dục	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	S. H. H.	15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A
12B.	LÊ QUANG PHÚC	1944	Bạc Liêu - Minh Hải	64/101388	Trung úy	Trung đội trưởng	Đại đội 683 Biệt lập T. Khu Gia Định	31 tháng	26.05.85	01.02.78	Cải quân nhân	248/BB	B. H. H.	Q. K. H.	30.11.89	18.12.89	2F
13.	TIỀN KIM BÉ	1953	Sóc Trăng - Hậu Giang		Thủ ký	Đánh máy	Đại đội 813 Cảnh sát Q. C.	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cải quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C	
14.	HUỲNH VĂN GIÁC	1944	Long Xuyên - An Giang					12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C	
15.	NGUYỄN VĂN RAO	1944	Phước Châu - An Giang			Thủ ký	Ban Tr. Sĩ Q. Đ. H. H. X. H. L. O. An	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F	
16.	HUỲNH VĂN BẮC	1944	Bình Minh - Củ Long	64/502660	Hạ Sĩ Q.	Thủ kho TPPT	Thiết đoàn 32 B.Đ.Đ.	01 tháng			Cải quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L	

PC. PO. BOX 18
PANAT NIKHOM CHONBURY 20140
THAILAND.

STT	ĐƠN VỊ SAU CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO		LÝ DO	GIẤY RA TRẢ	NGÀY & NƠI CẤP GIẤY RA TRẢ	THỜI ĐIỂM	NGÀY NHẬP TRẠI	HOUSE	BT - PST	NGƯỜI CÙNG ĐI (NẾU CÓ)	SINH NĂM	LIÊN HỆ GIA ĐÌNH	GHI CHÚ	
		Thời gian cải tạo (9)	TƯ (10)												
1	Chiến khu Thủ Đức	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cải quân nhân	543/GRT	Thị trấn Thủ Đức 28.09.81	08.12.89	20.12.89	2B8	PST 02271			Đã được Tổng hợp lại	
2	Chiến khu Thủ Đức	48 tháng	15.04.75	08.80	nt-		Mỹ Hải	08.05.89	08.09.89	2E1	BT 50126			Nhân chứng tại Công Sản VN	
3	Chiến khu Thủ Đức	80 tháng 4 ngày	10.05.75	21.01.82	nt-	40/GRT	Xã Thủ Đức 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F22	BT 50549			Cấp CERTIFICATION ngày Feb/12/1990 do Sincerely	
4	Chiến khu Thủ Đức	36 tháng	05.05.75	30.04.78	nt-	82/GB/BNN	Đ. Khu 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F10	BT 50712	Bùi Thị Tròn	1954	vợ	NGUYỄN HAI (194)
											Phạm Thị Mỹ Hạnh	1970	con		
											Phạm Thị Vĩnh Trung	1979	con		
											Phạm Thị Kim Ngọc	1980	con		
											Phạm Đức Thành	1988	con		
5	Chiến khu Thủ Đức	36 tháng	18.08.75	23.08.78	nt-	136/GB	Đ. Khu 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F18	BT 50554	Le Kim Anh	1936	vợ	
											Nguyễn Ngọc Quý	1968	con		
											Nguyễn Thanh Sơn	1985	con		
6	Chiến khu Thủ Đức	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	nt-	09/GBUB	Khu 12.01.77	09.12.89	01.02.90	2L15	PST 03042	Võ Thanh Bình	1966	con	
7	Chiến khu Thủ Đức	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	nt-	156/GRT	Thị trấn Thủ Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L16	BT 03126	Nguyễn Văn Tâm	1966	Em ruột	Thêm gia đình tại Thủ Đức Quận Thủ Đức ngày 15/10/75 đến ngày 06/04/76
8	Chiến khu Thủ Đức	22 tháng	25.06.75	77	nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C19	BT 050100	Nguyễn Thị Ngọc Thu	1951	vợ	
											Nguyễn Thị Giang Thanh	1986	con		
											Nguyễn Thanh Bình	1988	con		
9	Chiến khu Thủ Đức	14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Huế 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D4	BT 3724				Tham gia từ tháng 3/81 đến 10/11/81 bị bắt
10	Chiến khu Thủ Đức	12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi loạn phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.05.90	2L4	PST 03174				Tham gia khởi loạn phục quốc từ ngày 16/5/83 đến 28.10.82
11	Chiến khu Thủ Đức	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cần Thơ 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C35	BT 3580	Lữ Thái	1966	Em ruột	Tham gia vụ án Cao Đài - Rô mưu sát đồ chính quyền từ tháng 01/83 đến tháng 02/83 bị bắt
12	Chiến khu Thủ Đức	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A40	PST 03684	Đặng Quang Minh Tung	1974	con	Đã ghi hồ sơ cho CTNET ngày 6/3/90
13	Chiến khu Thủ Đức	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cải quân nhân	248/GB	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F23	BT 50917				
14	Chiến khu Thủ Đức	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cải quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50895				Mất giấy cải tạo
15	Chiến khu Thủ Đức	12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50895				nt-
16	Chiến khu Thủ Đức	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F9	BT 50710	Bùi Thị Nang	1946	vợ	nt-
											Nguyễn Tấn An	1969	con		
17	Chiến khu Thủ Đức	01 tháng			Cải quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L25	PST 03158	Huỳnh Văn Phương	1983	con	nt-

STANLEY J. LEVINE

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	PHAN BA BACH	1946	Phước Tân - An Giang			Pháo Kém Sát	Ngân hàng quốc gia VN	01.06.75	15.06.75	Công chức				14.04.89	05.09.89	2D
18	NGUYỄN THỊ HỒNG	1942	Chợ mới - An Giang	69/525298	Bình II	Sĩ Quan G.B.B.	Sĩ Quan	10.09.77	10.09.77	Cựu quân nhân				29.12.89	16.04.90	2C
19	ĐOÀN VĂN CỎ	1932	Chợ mới - An Giang			Trưởng ban	Sở quản thuế Hà Nội			Công chức				09.11.89	13.12.89	2F
20	LÊ VĂN SỬ	1956	Châu Thành - An Giang			Nhân dân Tự Vệ		05.05.75	08.05.75					23.09.89	06.10.89	2FE
21	NGUYỄN KIM HOÀNG	1958	Sài Gòn	KCC.9358	Tên binh	Trung tâm huấn luyện - Rừng sát	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15HQS/CN	Sài Gòn 31.07.75		06.05.89	08.09.89	2E1
22	DƯƠNG NGỌC THƠ	1958	Thị trấn - Hậu Giang			Bảo An Hòa Hòa	07 ngày							30.12.89	05.02.90	2L2
23	TRẦN VĂN THUẬN	1955	Vùng Đông Tháp			Nhân dân Tự Vệ	03 ngày							30.12.89	05.02.90	2L3
24	ĐẶNG VĂN HÙNG	1957	Bình Hưng - Cần Long			Nhân dân Tự Vệ	20 ngày							16.01.90	25.02.90	2L3
25	ĐẶNG NGỌC QUANG	1953	Thanh Hưng - Đồng Tháp	53/40486	Bình II	Ban I	Tiểu đoàn 410 HQ TKSA ĐC	07 ngày		Cựu quân nhân				16.02.90	13.03.90	
26	TRẦN VĂN KẾ	1956	Bình Đức - An Giang	26/502032	Bình II	Tiểu đoàn 32 BDD				Thượng gia phục vụ				28.10.89	22.12.89	aB6
Tổng kết danh sách gồm Tất cả chi tiết ghi trên đây trích nhiệm vụ những lỗi kh Lam tại Panar TAY B																

DATE: 10/10/1964

[illegible]

C O N T R O L

_____ Card
_____ Doc. Request; Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date
_____ Membership Letter

4/21/90

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ JDP/Date
____ Membership Letter

5/19/90

67 ng-trien
Lam Lien Nha Trang
7 y (Thien uy Cang Sal
Sui Cleo Thi 1988
Sui Thi bang di lieu
luo so